

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

- A. sông Cả và sông Mã. B. sông Đà và sông Lô.
C. sông Hồng và sông Mã. D. sông Hồng và sông Cả.

Câu 2: Phát biểu nào **đúng** khi nói về đai ôn đới gió mùa trên núi ?

- A. Có tính chất khí hậu cận nhiệt. B. Mưa nhiều hơn và độ ẩm tăng.
C. Nhiệt độ mùa đông dưới 6°C. D. Quanh năm nhiệt độ dưới 15°C.

Câu 3: Tính chất nào sau đây không phải là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

- A. Dòng sông ngắn và dốc. B. Lòng sông cạn và nhiều cồn cát.
C. Lũ lên, xuống chậm và kéo dài. D. Chế độ nước thất thường.

Câu 4: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. B. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
C. rừng xích đạo gió mùa. D. rừng cận xích đạo gió mùa.

Câu 5: Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. B. đồi núi thấp chiếm ưu thế.
C. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn. D. có nhiều khối núi cao đồ sộ.

Câu 6: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất diễn ra ở

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 7: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ. B. vịnh Thái Lan.
C. vịnh Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 8: Vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ

- A. đường cơ sở trở ra. B. ngân nước thấp nhất của thủy triều trở ra.
C. vùng có độ sâu 200m. D. giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta vừa giáp với Lào vừa giáp với Campuchia ?

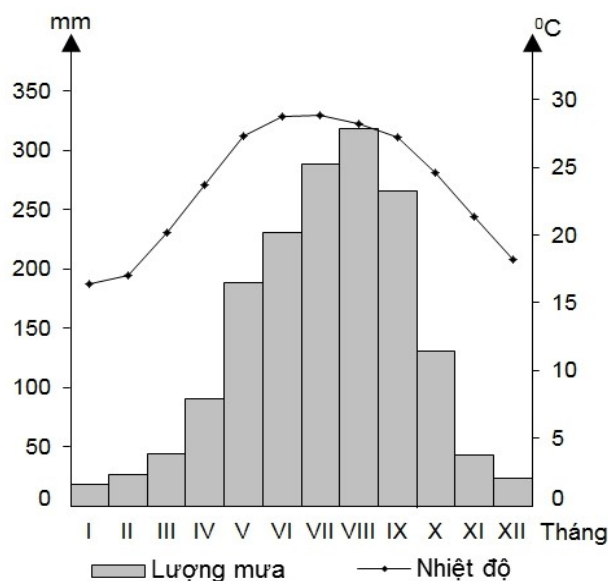
- A. Gia Lai. B. Quảng Nam. C. Sơn La. D. KonTum.

Câu 10: Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa **không** có loại rừng nào sau đây ?

- A. Rừng thường xanh trên đá vôi. B. Rừng lá kim trên đất feralit đỏ vàng.
C. Rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển. D. Rừng tràm trên đất phèn.

Câu 11: Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **đúng** về nhiệt độ, lượng mưa trung bình tháng ở Hà Nội?

- A. Chế độ mưa có sự phân mùa. B. Nhiệt độ các tháng trong năm khá đều.
C. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C. D. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VII.

Câu 12: Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. địa hình bị chia cắt thành nhiều ô ruộng.
B. thủy triều xâm nhập đồng bằng về mùa cạn.
C. diện tích rộng hơn đồng bằng sông Cửu Long.
D. hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích nhỏ nhất ở đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Đất mặn. B. Đất phù sa sông.
C. Đất cát biển. D. Đất xám.

Câu 14: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái của vùng nhiệt đới gió mùa?

- A. Vùng núi Đông Trường Sơn. B. Vùng núi Đông Bắc.
C. Vùng núi thấp Tây Bắc. D. Vùng núi cao Tây Bắc.

Câu 15: Dựa vào bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (° C)
Lạng Sơn	21,2
Hà Nội	23,5
Vinh	23,9
Huế	25,1
Quy Nhơn	26,8
TP. Hồ Chí Minh	27,1

Để thể hiện nhiệt độ trung bình năm từ Bắc vào Nam dạng biểu đồ thích hợp nhất là

- A. kết hợp. B. cột. C. tròn. D. cột chồng.

Câu 16: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.
B. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.
C. hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
D. hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.

Câu 17: Nhiệt độ các tỉnh miền Bắc thấp vào mùa đông so với miền Nam vì:

- A. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh. B. Miền Bắc hay có tuyết rơi.
C. Miền Bắc có nhiều núi cao. D. Miền Bắc nằm xa Xích đạo nên lạnh.

Câu 18: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ là

- A. gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới. B. gió Tây Nam.
C. gió Đông Bắc cùng với dải hội tụ nhiệt đới. D. gió Đông Bắc.

Câu 19: Rừng ngập mặn ở nước ta phát triển mạnh nhất trên loại đất nào sau đây?

- A. Đất phù sa sông. B. Đất phù sa nhiễm mặn.
C. Đất phù sa nhiễm phèn. D. Đất cát biển.

Câu 20: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, vì phía Bắc

- A. có một mùa hạ có gió fơn Tây Nam. B. có một mùa đông lạnh.
C. nằm gần chí tuyến. D. gần chí tuyến, có một mùa hạ nóng.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết thung lũng sông có hướng tây bắc - đông nam ở nước ta là sông nào sau đây?

- A. sông Lục Nam. B. sông Cầu.
C. sông Thương. D. sông Mã.

Câu 22: Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông - Tây chủ yếu là do

- A. gió mùa Đông Bắc.
B. độ cao của núi và sự hoạt động của gió mùa.
C. kinh tuyến.

- D. hướng của các dãy núi và sự hoạt động của gió mùa.
- Câu 23:** Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi
- A. thường xuyên được bồi đắp phù sa. B. có nhiều ô trũng ngập nước.
C. được canh tác nhiều nhất. D. không được bồi đắp phù sa hàng năm.
- Câu 24:** Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam vì:
- A. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ thấp hơn.
B. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ cao hơn.
C. Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.
D. Miền Nam có nền nhiệt cao hơn Miền Bắc.
- Câu 25:** Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là
- A. gồm các dãy núi song song và so le. B. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
C. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam. D. có địa hình cao nhất cả nước.
- Câu 26:** Hướng của dãy núi Hoàng Liên Sơn là
- A. Tây - Đông. B. Bắc - Nam.
C. Đông Nam - Tây Bắc. D. Tây Bắc - Đông Nam.
- Câu 27:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào chiếm diện tích nhỏ nhất ở nước ta ?
- A. Rừng trên núi đá vôi. B. Rừng ôn đới núi cao.
C. Rừng trồng. D. Rừng tre nứa.
- Câu 28:** Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển Miền Trung ?
- A. Hẹp ngang, được chia thành ba dải. B. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng.
C. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. D. Được hình thành do các sông bồi đắp.
- Câu 29:** Đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa lớn cho
- A. Nam Bộ và Tây Nam Bộ. B. Nam Bộ và Tây Nguyên.
C. Tây Nguyên và duyên hải Miền Trung. D. Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Câu 30:** Gió Tây khô nóng không có ảnh hưởng ở vùng khí hậu nào sau đây?
- A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ.
- Câu 31:** Phát biểu nào đúng về vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam?
- A. làm tăng tính nóng bức trong mùa hè. B. làm giảm độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.
C. làm tăng tính chất khắc nghiệt của thời tiết. D. gây fơn cho nhiều vùng núi nước ta.
- Câu 32:** Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là
- A. độ cao và hướng núi. B. sự tác động của con người.
C. giá trị về kinh tế. D. hướng nghiêng.
- Câu 33:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết mỏ khí Tiền Hải thuộc vùng kinh tế nào của nước ta?
- A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Trung Bộ.
- Câu 34:** Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với nước nào sau đây ?
- A. Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Campuchia.
C. Thái Lan, Campuchia. D. Trung Quốc, Lào, Campuchia.
- Câu 35:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là
- A. đới rừng nhiệt đới. B. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
C. đới rừng gió mùa cận xích đạo. D. đới rừng xích đạo.
- Câu 36:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các sông sau?
- A. Sông Kỳ Cùng. B. Sông Thu Bồn.
C. Sông Mê Công. D. Sông Ba.
- Câu 37:** Việt Nam vừa gần với lục địa vừa thông ra đại dương nào ?
- A. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương.
B. Gần với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương.
C. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương.
D. Gần với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương.
- Câu 38:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của Đà Nẵng là

vào tháng mấy?

- A. Tháng VI. B. Tháng V. C. Tháng X. D. Tháng III.

Câu 39: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C .
B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C .
C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.
D. Biên độ nhiệt năm cao, không có mùa đông lạnh.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1667	989	+ 678
Huế	2868	1000	+ 1868
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	+ 245

Nhận xét nào sau đây **chính xác** về lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm?

- A. Cân bằng ẩm thấp nhất ở Huế. B. Càng vào phía Nam lượng bốc hơi càng giảm.
C. Lượng mưa tăng dần từ Bắc vào Nam. D. Lượng mưa các nơi đều lớn.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	D	D	C	A	A	B	A	A	D	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	A	C	C	B	B	A	A	B	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	D	D	A	D	B	D	B	D	B	A
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	B	A	B	B	B	B	D	C	B	D

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÝ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với nước nào sau đây ?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Lào, Campuchia.
C. Thái Lan, Campuchia. D. Trung Quốc, Campuchia.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng trong tổng diện tích rừng của nước ta qua hai năm (đơn vị %)

Năm	Tổng diện tích rừng trồng	DT rừng tự nhiên	DT rừng trồng
1983	100	94,4	5,6
2015	100	75,6	24,4

Biểu đồ nào thích hợp nhất với bảng số liệu trên?

- A. tròn. B. đường. C. cột. D. miền.

Câu 3: Việt Nam vừa gần với lục địa vừa thông ra đại dương nào ?

- A. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương.
 B. Gần với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương.
 C. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương.
 D. Gần với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương.

Câu 4: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, vì phía Bắc

- A. gần chí tuyến. B. gần chí tuyến, có một mùa đông lạnh.
 C. có một mùa đông lạnh. D. có một mùa hạ có gió fơn Tây Nam.

Câu 5: Tính chất nào sau đây *không phải* là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

- A. Lòng sông cạn và nhiều cồn cát. B. Chế độ nước thất thường.
 C. Dòng sông ngắn và dốc. D. Lũ lên, xuống chậm và kéo dài.

Câu 6: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ là

- A. gió Đông Bắc. B. gió Đông Bắc cùng với dải hội tụ nhiệt đới.
 C. gió Tây Nam. D. gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 7: Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa *không* có loại rừng nào sau đây ?

- A. Rừng tràm trên đất phèn. B. Rừng thường xanh trên đá vôi.
 C. Rừng lá kim trên đất feralit đỏ vàng. D. Rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Để thể hiện sự biến động của diện tích rừng qua một số năm vẽ biểu đồ nào thích hợp nhất ?

- A. đường. B. cột. C. tròn. D. kết hợp.

Câu 9: Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. đồi núi thấp chiếm ưu thế. B. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn.
C. có nhiều khối núi cao đồ sộ. D. nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 10: Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam vì:

- A. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ thấp hơn.
B. Miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.
C. Miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.
D. Miền Nam ảnh hưởng gió mùa Tây Nam và vĩ độ cao hơn.

Câu 11: Phát biểu nào không đúng khi nói về đai ôn đới gió mùa trên núi ?

- A. Mưa nhiều độ ẩm tăng. B. Có tính chất khí hậu ôn đới.
C. Quanh năm nhiệt độ dưới 15°C. D. Nhiệt độ mùa đông dưới 5°C.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là

- A. sông Chu. B. sông Cầu. C. sông Mã. D. sông Đà.

Câu 13: Hai bể dầu lớn nhất ở thềm lục địa nước ta là

- A. bể Cửu Long Bể Sông Hồng. B. bể Nam Côn Sơn và bể Cửu Long.
C. bể Sông Hồng và Bể Trung Bộ. D. bể Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 14: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Có các thung lũng sông theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
B. Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ, dải đồng bằng thu hẹp.
C. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm, tính chất nhiệt đới tăng.
D. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, có hai mùa rõ rệt khô và mưa.

Câu 15: Theo công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 thì vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ

- A. đường cơ sở trở ra. B. giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra.
C. vùng có độ sâu 200m. D. ngân nước thấp nhất của thủy triều trở ra.

Câu 16: Sự khác biệt rõ rệt giữa vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. sự tác động của con người. B. giá trị về kinh tế.
C. độ cao và hướng núi. D. hướng nghiêng.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của TP. Hồ Chí Minh là vào tháng mấy?

- A. Tháng III. B. Tháng V. C. Tháng VI. D. Tháng IX.

Câu 18: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

- A. Vùng núi Trường Sơn. B. Vùng núi thấp Tây Bắc.
C. Vùng núi cao Tây Bắc. D. Vùng núi Đông Bắc.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long ?

- A. Đất phèn. B. Đất xám. C. Đất phù sa sông. D. Đất mặn.

Câu 20: Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông -Tây chủ yếu là do

- A. kinh tuyến.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. độ cao của núi và sự hoạt động của gió mùa.
- D. tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi.

Câu 21: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở ?

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Bắc Bộ.
- D. Nam Bộ.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Thái Bình.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Hồng.
- D. Sông Mê Công.

Câu 23: Dãy Hoàng Liên Sơn nằm giữa hai con sông lớn nào sau đây?

- A. Sông Hồng với sông Chảy.
- B. Sông Đà với sông Lô.
- C. Sông Đà và sông Mã.
- D. Sông Hồng và sông Đà.

Câu 24: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất diễn ra ở

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 25: Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.
- C. Biên độ nhiệt năm thấp, có mùa đông lạnh.
- D. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

Câu 26: Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. địa hình bị chia cắt thành nhiều ô ruộng.
- B. diện tích rộng hơn đồng bằng sông Cửu Long.
- C. thủy triều xâm nhập đồng bằng về mùa cạn.
- D. hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Câu 27: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

- A. rừng cận xích đạo gió mùa.
- B. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng xích đạo gió mùa.
- D. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 28: So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về

- A. trồng được lúa, ngô, khoai.
- B. phát triển cây cà phê, cao su.
- C. trồng các loại cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới.
- D. trồng được nho, cam, ô liu, chà là, thuốc lá... như Tây Á.

Câu 29: Nhiệt độ các tỉnh miền Bắc thấp vào mùa đông so với miền Nam vì:

- A. Miền Bắc có nhiều núi cao.
- B. Miền Bắc nằm xa Xích đạo nên lạnh.
- C. Miền Bắc hay có tuyết rơi.
- D. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

Câu 30: Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng biển của nước ta là

- A. vịnh Bắc Bộ.
- B. duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. vịnh Thái Lan.

Câu 31: Vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam là

- A. làm tăng tính nóng bức trong mùa hè.
- B. làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết.
- C. làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.
- D. gây fơn cho nhiều vùng núi nước ta.

Câu 32: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. đới rừng nhiệt đới. B. đới rừng xích đạo.
C. đới rừng nhiệt đới gió mùa. D. đới rừng gió mùa cận xích đạo.

Câu 33: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam. B. có địa hình cao nhất cả nước.
C. gồm các dãy núi song song và so le. D. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

Câu 34: Gió phơn Tây Nam chủ yếu hoạt động ở khu vực nào sau đây ?

- A. Bắc Trung Bộ và phần nam của Tây Bắc. B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 35: Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển Miền Trung ?

- A. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng. B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Được hình thành do các sông bồi đắp. D. Hẹp ngang, được chia thành ba dải.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta vừa giáp với Lào vừa giáp với Trung Quốc ?

- A. Điện Biên. B. Nghệ An. C. Hòa Bình. D. Sơn La.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta ?

- A. Rừng tre nứa. B. Rừng kín thường xanh.
C. Rừng trồng. D. Rừng trên núi đá vôi.

Câu 38: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.
B. hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.
C. hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
D. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 39: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

- A. thường xuyên được bồi đắp phù sa. B. có nhiều ô trũng ngập nước.
C. không được bồi đắp phù sa hàng năm. D. được canh tác nhiều nhất.

Câu 40: Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

- A. sông Hồng và sông Cả. B. sông Cả và sông Mã.
C. sông Hồng và sông Mã. D. sông Đà và sông Lô.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	D	A	D	C	D	D	C	D	D	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	B	B	D	A	C	D	D	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30

ĐA	D	C	D	D	C	A	B	C	D	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	B	C	D	A	C	A	B	D	A	A

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1. So với các nước cùng một vĩ độ, nước ta có nhiều lợi thế hơn hẳn về ?

- A. Trồng được nho, cam, ô liu, chà là, thuốc lá... như Tây Á. B. Trồng được lúa, ngô, khoai.
C. Trồng các loại cây lương thực và cây công nghiệp nhiệt đới. D. Phát triển cây cà phê, cao su.

Câu 2. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào không giáp với Lào trong các tỉnh sau ?

- A. Sơn La B. Nghệ An C. Thanh Hóa D. Hòa Bình

Câu 3. Điểm khác chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là ?

- A. Diện tích rộng hơn ĐBSCL. B. Địa hình bị chia cắt thành nhiều ô ruộng.
C. Hệ thống kênh rạch chằng chịt. D. Thủy triều xâm nhập đồng bằng về mùa cạn.

Câu 4. Vai trò quan trọng của Biển Đông đối với khí hậu Việt Nam là ?

- A. Làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc. B. Làm tăng tính nóng bức trong mùa hè.
C. Gây fơn cho nhiều vùng núi nước ta. D. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Thể hiện sự biến động của diện tích rừng qua một số năm vẽ biểu nào thích hợp nhất ?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ tròn C. Biểu đồ kết hợp D. Biểu đồ đường

Câu 6. Việt Nam có đường biên giới cả trên đất liền và trên biển với nước nào ?

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia B. Trung Quốc, Campuchia
C. Lào, Campuchia D. Thái lan, Campuchia

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây không phải của đồng bằng ven biển Miền Trung ?

- A. Hẹp ngang, được chia thành ba dải. B. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng.
C. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. D. Được hình thành do các sông bồi đắp.

Câu 8. Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông -Tây chủ yếu là do ?

- A. Độ cao của núi và sự hoạt động của gió mùa. B. Kinh tuyến
C. Hướng của các dãy núi và sự hoạt động của gió mùa. D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 9. Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở ?

- A. Bắc Bộ B. Bắc Trung Bộ C. Nam Trung Bộ D. Nam Bộ

Câu 10. Theo công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 thì vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lí được tính từ ?

- A. Giới hạn ngoài của vùng lãnh hải trở ra. B. Đường cơ sở trở ra.
C. Ngấn nước thấp nhất của thủy triều trở ra. D. Vùng có độ sâu 100m.

Câu 11. Gió phơn Tây Nam chủ yếu hoạt động ở khu vực ?

- A. Bắc Trung Bộ và phần nam của Tây Bắc. B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ
C. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 12. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có đặc điểm nào sau đây ?

- A. Có các thung lũng sông theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.
B. Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ, dải đồng bằng thu hẹp.

C. Ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm, tính chất nhiệt đới tăng.

D. Khí hậu cận xích đạo gió mùa, có hai mùa rõ rệt khô và mưa.

Câu 13. Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là ?

A. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

B. Có địa hình cao nhất cả nước.

C. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam.

D. Gồm các dãy núi song song và so le.

Câu 14. Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là ?

A. Hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.

B. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.

C. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết loại rừng nào chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta ?

A. Rừng kín thường xanh

B. Rừng trên núi đá vôi

C. Rừng tre nứa

D. Rừng trồng.

Câu 16. Phát biểu nào không đúng khi nói về đai ôn đới gió mùa trên núi ?

A. Có tính chất khí hậu ôn đới.

B. Quanh năm nhiệt độ dưới 15°C.

C. Nhiệt độ mùa đông dưới 5°C.

D. Mưa nhiều độ ẩm tăng.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả hai miền Nam, Bắc và mưa vào tháng IX cho Trung Bộ là:

A. Gió Tây Nam cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

B. Gió Tây Nam.

C. Gió Đông Bắc cùng với dải hội tụ nhiệt đới.

D. Gió Đông Bắc.

Câu 18. Căn cứ vào Atlas trang 6 -7, hãy cho biết đảo Côn Cỏ thuộc tỉnh nào ?

A. Khánh Hòa

B. Quảng Nam

C. Quảng Trị

D. Phú Yên

Câu 19. Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là ?

A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế.

B. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn.

C. Có nhiều khối núi cao đồ sộ.

D. Nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 20. Số lượng loài động thực vật quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam là ?

A. 340 loài thực vật, 350 loài động vật

B. 360 loài thực vật, 350 loài động vật.

C. 360 loài thực vật, 340 loài động vật.

D. 350 loài thực vật, 360 loài động vật.

Câu 21. Nguyên nhân làm cho diện tích đất hoang đồi trọc giảm mạnh là ?

A. Khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

B. Phát triển thủy điện và thủy lợi.

C. Toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng.

D. Mở rộng các khu dân cư và đô thị.

Câu 22. Căn cứ vào Atlas trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta ?

A. Sông Đồng Nai

B. Sông Hồng

C. Sông Mê Công.

D. Sông Thái Bình.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là ?

A. Sông Chu

B. Sông Mã

C. Sông Đà

D. Sông Cầu

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Hồng ?

A. Đất mặn.

B. Đất phèn

C. Đất phù sa sông

D. Đất cát biển

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhiệt độ cao nhất của TP. Hồ Chí Minh là vào tháng mấy?

A. Tháng III

B. Tháng IV

C. Tháng V

D. Tháng VI

Câu 26. Việt Nam vừa gắn với lục địa vừa thông ra đại dương nào ?

A. Gắn với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương

B. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương

C. Gắn với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương

D. Gắn với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương

Câu 27. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là ?

A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. Rừng xích đạo gió mùa

C. Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

D. Rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 28. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là ?

A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo.

B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa.

C. Đới rừng xích đạo.

D. Đới rừng nhiệt đới.

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của Hà Nội là vào tháng mấy?

- A. Tháng VI B. Tháng VII C. Tháng VIII D. Tháng IX

Câu 30. Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa không có loại rừng nào sau đây ?

- A. Rừng thường xanh trên đá vôi. B. Rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển.
C. Rừng tràm trên đất phèn. D. Rừng lá kim trên đất feralit đỏ vàng.

ĐÁP ÁN ĐỊA 12

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
C	D	B	D	C	B	D	C	D	B	A	D	A	C	A

16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
D	A	C	D	B	C	B	D	C	B	C	A	B	C	D

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào giáp với Trung Quốc trong các tỉnh sau ?

- A. Yên Bái B. Tuyên Quang C. Thái Nguyên D. Lạng Sơn

Câu 2. Đặc điểm chung của vùng núi Bắc Trường Sơn là ?

- A. Gồm các dãy núi song song so le theo hướng Tây Bắc – Đông Nam .
B. Địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng Tây Bắc – Đông Nam.
C. Gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng, đất đỏ badan.
D. Có các cánh cung lớn mở rộng ở phía Bắc và phía Đông.

Câu 3. Việt Nam nằm ở đâu trong bản đồ châu Á ?

- A. Đông châu Á B. Gần trung tâm khu vực Đông Nam Á
C. Tây Nam Á D. Đông Bắc Á, trong vùng khí hậu cận nhiệt.

Câu 4. Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là ?

- A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế. B. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên rộng lớn.
C. Có nhiều khối núi cao đồ sộ. D. Nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

Câu 5. Hướng vòng cung là hướng chính của vùng núi nào ?

- A. Vùng núi Đông Bắc B. Các hệ thống sông lớn.
C. Dãy Hoàng Liên Sơn D. Vùng núi Bắc Trường Sơn

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết đỉnh núi cao nhất Việt Nam là ?

- A. Tây Côn Lĩnh B. Phan xi păng C. Bà Đen D. Ngọc Linh

Câu 7. Do nằm trong khu vực nhiệt đới, gió mùa nên thiên nhiên nước ta có ?

- A. Khí hậu ôn hoà, dễ chịu. B. Sinh vật đa dạng, chủ yếu là nhiệt đới.
C. Đất đai rộng lớn, phì nhiêu. D. Khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn.

Câu 8. Căn cứ vào Atlas trang 12, hãy cho biết vườn quốc gia nào không thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Mũi Cà Mau B. U Minh Hạ C. U Minh Thượng D. Cát Tiên

Câu 9. Căn cứ vào Atlas trang 6 -7, hãy cho biết quần đảo Côn Sơn thuộc tỉnh nào?

- A. Bạc Liêu B. Sóc Trăng C. Bà Rịa - Vũng Tàu D. Bến Tre

Câu 10. Nhận định chưa đúng về đặc điểm của Biển Đông là ?

- A. Có tính chất nhiệt đới gió mùa . B. Giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản
C. Vùng biển rộng tương đối kín D. Nhiệt độ nước biển và độ mặn thấp.

Câu 11. Ở vùng ven biển dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản ?

- A. Các tam giác châu với bãi triều rộng lớn.
C. Các đảo, đầm phá ven bờ, rừng ngập mặn.

- B. Vịnh cửa sông
D. Các rạn san hô

Câu 12. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết lượng mưa cao nhất của TP. Hồ Chí Minh là vào tháng mấy?

- A. Tháng VI B. Tháng VII C. Tháng VIII D. Tháng IX

Câu 13. Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là ?

- A. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.
B. Hằng năm nước ta nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn.
C. Trong năm, Mặt trời luôn đứng cao hơn đường chân trời.
D. Trong năm mặt trời qua thiên đỉnh 2 lần.

Câu 14. Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do vị trí ?

- A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn. B. Nằm ở bán cầu Đông.
C. Nằm ở bán cầu Bắc, lục địa lớn. D. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 15. Căn cứ vào Atlas trang 10, hãy cho biết con sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta ?

- A. Sông Đồng Nai B. Sông Hồng C. Sông Mê Công. D. Sông Thái Bình

Câu 16. Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,...là vùng ?

- A. Lãnh hải. B. Đặc quyền về kinh tế. C. Tiếp giáp lãnh hải. D. Thềm lục địa.

Câu 17. Hiện tượng sạt lở bờ biển nước ta diễn ra chủ yếu ở ?

- A. Bờ biển Nam Bộ B. Bờ biển Trung Bộ
C. Bờ biển Bắc Bộ D. Bờ biển Đông Nam Bộ

Câu 18. Đặc điểm nào không đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam?

- A. Quanh năm nóng. B. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.
C. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt. D. Mùa khô có mưa phùn.

Câu 19. Việt Nam gần với lục địa và thông ra đại dương nào ?

- A. Gần với một phần lục địa Phi thông ra Thái Bình Dương
B. Gần với lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương
C. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Ấn Độ Dương
D. Gần với lục địa Á - Âu và thông ra Đại Tây Dương

Câu 20. Khi Tây Nguyên vào mùa mưa thì vùng có gió Tây khô nóng là?

- A. Đông Trường Sơn B. Đông Nam Bộ C. Nam Trung Bộ D. Đông Bắc Bộ

Câu 21. Cho bảng số liệu:

Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Thể hiện sự biến động của diện tích rừng qua một số năm vẽ biểu nào thích hợp nhất ?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ tròn C. Biểu đồ kết hợp D. Biểu đồ đường

Câu 22. Tính đến 2007 nước ta có bao nhiêu vườn quốc gia ?

- A. 20 vườn B. 30 vườn. C. 40 vườn D. 50 vườn

Câu 23. Địa hình thấp và hẹp ngang nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi ?

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam.

Câu 24. Tính đến 2007 nước ta có bao nhiêu khu dự trữ sinh quyển được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới ?

- A. 5 khu. B. 6 khu C. 7 khu D. 8 khu

Câu 25. Phát biểu nào không đúng về sự suy giảm đa dạng sinh vật của nước ta ?

- A. Thành phần loài suy giảm. B. Kiểu hệ sinh thái suy giảm.
C. Nguồn gen suy giảm. D. Vườn quốc gia suy giảm.

Câu 26. Do có nhiều bề mặt cao nguyên rộng, nên miền núi thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh ?

- A. Lương thực. B. Thực phẩm. C. Cây công nghiệp. D. Cây hoa màu.

Câu 27. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là ?

- A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo. B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa.
C. Đới rừng xích đạo. D. Đới rừng nhiệt đới.

Câu 28. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta ?

- A. Đất phù sa B. Đất đỏ badan C. Đất feralit trên các loại đá khác. D. Đất phèn

Câu 29. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào không giáp với Lào trong các tỉnh sau ?

- A. Sơn La B. Hòa Bình C. Thanh Hóa D. Nghệ An

Câu 30. Nguyên nhân làm cho diện tích đất hoang đồi trọc giảm mạnh là ?

- A. Khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt. B. Phát triển thủy điện và thủy lợi.
C. Toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng. D. Mở rộng các khu dân cư và đô thị.

.....

ĐÁP ÁN địa 12

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
D	A	B	D	A	B	A	D	C	D	A	D	A	D	B

16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
C	B	D	B	A	C	B	C	B	D	C	B	C	B	C

ĐỀ 5

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

- Nét khác biệt nổi bật về khí hậu của vùng DHNTB so với Nam Bộ là
 - mùa đông chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch mạnh hơn.
 - mưa nhiều vào thu đông.
 - có nền nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
 - khí hậu chia thành hai mùa mưa- khô rõ rệt hơn.
- Theo cách chia hiện nay, số lượng các miền địa lí tự nhiên nước ta là
 - 5 miền.
 - 4 miền.
 - 2 miền.
 - 3 miền.
- Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích vùng Tây Nguyên mật độ dân số (năm 2007) ở mức
 - dưới 100 người/km².
 - từ 101-200 người/km².
 - trên 500 người/km².
 - từ 201-500 người/km².
- Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam là do
 - mạng lưới sông ngòi dày đặc.
 - nguồn nước ngầm phong phú.
 - có hiện tượng mưa phùn vào cuối mùa đông.
 - được sự điều tiết của các hồ nước.
- Đặc điểm ***không đúng*** với miền khí hậu miền Bắc là
 - độ lạnh tăng dần về phía Nam.
 - thời tiết, khí hậu có diễn biến thất thường.
 - biên độ nhiệt trong năm lớn hơn so với miền Nam.

D. thời kì bắt đầu mùa mưa có xu hướng chậm dần từ từ Bắc vào Nam.

6. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi của một số địa điểm nước ta (Đơn vị: mm)

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Bốc hơi (mm)
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
TP. HCM	1931	1686

Cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh lần lượt là:

A. (+)2665; (+)3868; (+)3671

B. (-)2665; (-)3868; (-)3671

C. (-)678; (-)1868; (-)245

D. (+)687; (+)1868; (+)245.

7. Căn cứ vào bản đồ Lượng mưa ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, khu vực có khí hậu khô hạn nhất ở nước ta là

A. ven biển cực Nam Trung Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. ven biển Bắc Bộ.

D. Tây Bắc.

8. Hiện nay TP Hải Phòng có cơ cấu dân số

A. dân số trẻ. B. đang già hóa. C. dân số già.

D. đang trẻ hóa.

9. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hai đô thị có quy mô dân số (năm 2007) lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. Lạng Sơn, Việt Trì.

B. Thái Nguyên, Hạ Long.

C. Việt Trì, Bắc Giang.

D. Thái Nguyên, Việt Trì.

10. Dân số nước ta tăng trung bình mỗi năm khoảng

A. 1,8 triệu người.

B. 1,0 triệu người.

C. 0,5 triệu người.

D. 2,5 triệu người.

11. Ở nước ta, tỉ lệ thiết việc làm tương đối cao là ở khu vực

A. miền núi.

B. thành thị

C. đồng bằng.

D. nông thôn.

12. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc mang sắc thái

A. nhiệt đới gió mùa.

B. xích đạo gió mùa.

C. cận nhiệt đới gió mùa.

D. cận xích đạo gió mùa.

13. Để giảm tình trạng di dân tự do vào đô thị Hải Phòng, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

A. phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị để tăng sức chứa dân cư.

B. xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.

C. phát triển mạng lưới đô thị hợp lí, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn.

D. hạn chế sự gia tăng dân số tự nhiên cả ở nông thôn và thành thị.

14. Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa cần

A. tiến hành đô thị hóa xuất phát từ công nghiệp hóa.

B. giảm bớt tốc độ đô thị hóa.

C. hạn chế dòng di dân từ nông thôn ra thành thị.

D. ngăn chặn lối sống cư dân nông thôn nhích gần lối sống thành thị.

15. Hiện tại, nước ta đang trong giai đoạn "Cơ cấu dân số vàng", điều đó có nghĩa là

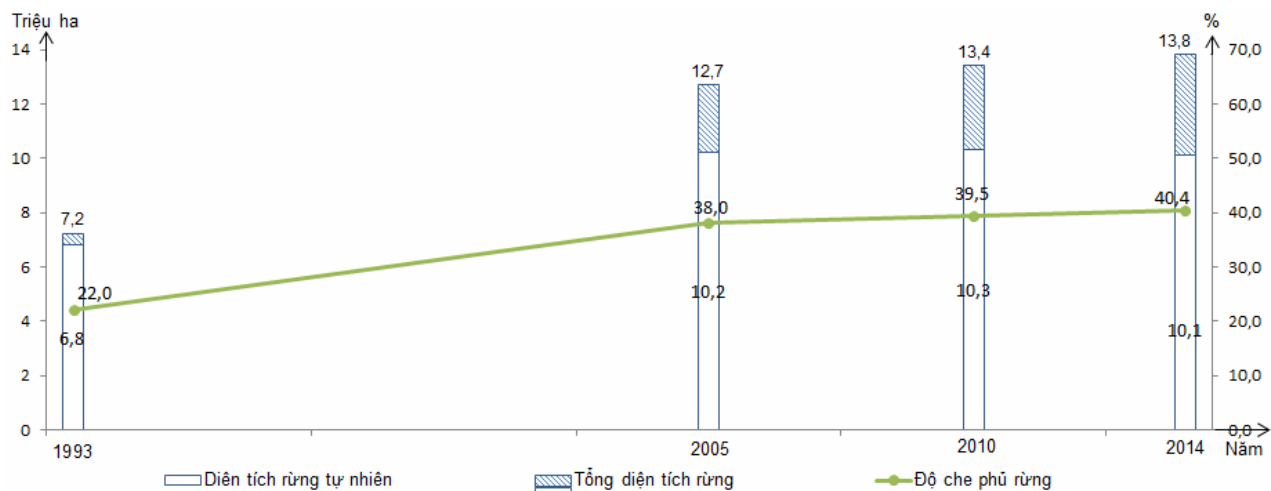
A. số người ở độ tuổi 60 trở lên chiếm hơn 2/3 dân số.

B. số người ở độ tuổi 0 - 14 chiếm hơn 2/3 dân số.

C. số người ở độ tuổi 15 - 59 chiếm hơn 2/3 dân số.

D. số trẻ sơ sinh chiếm hơn 2/3 dân số.

16. Thảm thực vật rừng ở Việt Nam đa dạng về kiểu hệ sinh thái vì
- khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu.
 - vị trí nằm ở nơi giao lưu của các luồng di cư sinh vật.
 - địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.
 - sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.
17. Tác động của những khối núi cao trên 2000m đối với thiên nhiên nước ta là
- làm phong phú cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới của nước ta.
 - tạo các bức chắn để hình thành các ranh giới các miền khí hậu.
 - phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới trên khắp cả nước.
 - làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới của nước ta.
18. Mùa đông của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là
- đến sớm và kết thúc muộn.
 - đến muộn và kết thúc muộn.
 - đến muộn và kết thúc sớm.
 - đến sớm và kết thúc sớm.
19. Nếu trên đỉnh núi Phanxipăng(3143m) có nhiệt độ là $2,0^{\circ}\text{C}$, thì theo quy luật đai cao(xuống thấp 1000m nhiệt độ tăng 6°C), nhiệt độ ở chân núi này sẽ là
- $2,0^{\circ}\text{C}$.
 - $25,9^{\circ}\text{C}$.
 - $20,9^{\circ}\text{C}$.
 - $15,9^{\circ}\text{C}$.
20. Nguyên nhân chủ yếu tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc có thể lấn sâu vào miền Bắc nước ta là
- vị trí địa lí nằm trong vành đai nội chí tuyến.
 - địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
 - vị trí địa lí gần trung tâm của gió mùa mùa đông.
 - hướng các dãy núi ở Đông Bắc có dạng hình cánh cung đón gió.
21. Vùng có dân số ít nhất ở nước ta hiện nay là
- Tây Nguyên.
 - Đông Nam Bộ.
 - TD&MN Bắc Bộ.
 - Bắc Trung Bộ.
22. Hậu quả lớn nhất của việc phân bố dân cư không hợp lý tại Hải Phòng theo em là:
- Ô nhiễm môi trường.
 - Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên.
 - Giải quyết vấn đề việc làm.
 - Gây lãng phí nguồn lao động.
23. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do
- ảnh hưởng của khối không khí lạnh(NPc) và khối không khí xích đạo(Em).
 - ảnh hưởng của khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.
 - ảnh hưởng của khối không khí từ vịnh Bengan(TBg) và tín phong nửa cầu Bắc(Tm).
 - ảnh hưởng của tín phong nửa cầu Bắc(Tm) và khối không khí xích đạo (Em).
24. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là
- địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.
 - khí hậu và sự phân bố địa hình.
 - hình dáng lãnh thổ và khí hậu.
 - hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.
25. Cho biểu đồ sau: Diện tích rừng và độ che phủ rừng qua các năm của nước ta.



Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là **không đúng**

- A. Độ che phủ rừng của nước ta tăng liên tục.
- B. Diện tích rừng tự nhiên của nước ta tăng 3,3 triệu ha, tăng không liên tục.
- C. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn tổng diện tích rừng.
- D. Độ che phủ rừng của nước ta tăng 18,4% và tăng liên tục.

26. Dựa vào bảng số liệu sau:

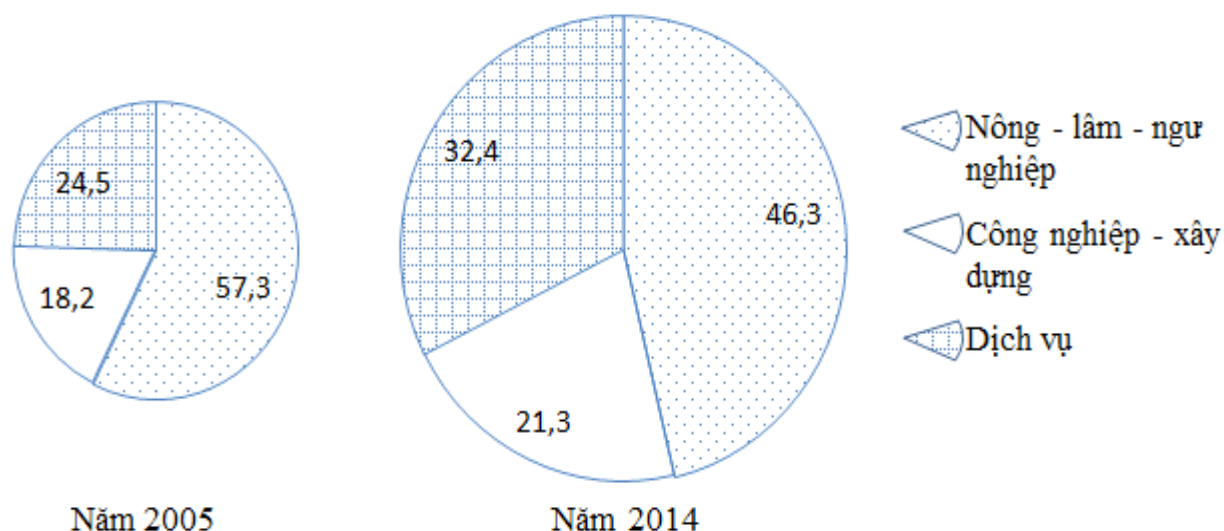
Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
Đà Nẵng	21,3	29,1	25,7
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

Nhận xét nào sau đây đúng với biên độ nhiệt năm ở nước ta từ Bắc vào Nam?

- A. biên độ nhiệt năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- B. biên độ nhiệt năm cả hai miền Nam, Bắc đều thấp.
- C. biên độ nhiệt năm ở miền Bắc thấp hơn miền Nam.
- D. biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam.

27. Cho biểu đồ sau:



Năm 2005

Năm 2014

Biểu đồ cơ cấu sử dụng lao động theo ngành của nước ta năm 2005 và 2014(%)

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng.

- A. Tỷ lệ lao động khu vực nông-lâm ngư nghiệp thấp nhất.
- B. Cơ cấu lao động của nước ta đang chuyển dịch phù hợp với tiến trình CNH đất nước.

C. Tổng số lao động nước ta không thay đổi trong giai đoạn trên.

D. Cơ cấu lao động theo ngành không có sự thay đổi.

28. Cho bảng số liệu "Mật độ dân số một số vùng nước ta năm 2014" (đơn vị: người/km²), hãy lựa chọn dạng biểu đồ phù hợp nhất thể hiện sự phân bố mật độ dân số không đều trong cả nước:

Vùng	Mật độ	Vùng	Mật độ
Đông Bắc	155	Duyên hải Nam Trung Bộ	205
Tây Bắc	79	Tây Nguyên	101
Đồng bằng sông Hồng	1304	Đông Nam Bộ	669
Bắc Trung Bộ	202	Đồng bằng sông Cửu Long	432

A. Biểu đồ cột chồng B. Biểu đồ cột đứng C. Biểu đồ cột ngang D. Biểu đồ cột kép

29. Yếu tố chính làm hình thành các trung tâm mưa nhiều, mưa ít ở nước ta là

A. độ vĩ. B. địa hình. C. độ lục địa. D. mạng lưới sông ngòi.

30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây có quy mô dân số (năm 2007) dưới 500 nghìn người?

A. Biên Hòa. B. Hạ Long. C. Cần Thơ. D. Đà Nẵng.

31. Căn cứ vào biểu đồ đường ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là

A. tháng 9, tháng 8, tháng 11. B. tháng 10, tháng 8, tháng 11.

C. tháng 10, tháng 8, tháng 10. D. tháng 11, tháng 8, tháng 10.

32. Lao động nước ta chủ yếu tập trung ở các ngành nông - lâm - thủy sản là do

A. sử dụng nhiều máy móc trong sản xuất.

B. các ngành này có cơ cấu đa dạng, trình độ sản xuất cao.

C. tỉ lệ lao động thủ công còn cao, sử dụng công cụ thô sơ vẫn còn phổ biến.

D. thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở nông thôn.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1. Nguyên nhân nào làm suy giảm số lượng loài động, thực vật tự nhiên? Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học. (1,0 điểm)

Câu 2. Tại sao ở nước ta hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng. (0,5 điểm)

Câu 3. Dự báo xu hướng thay đổi tỉ lệ đất nông nghiệp trong những năm tới của địa phương và nêu các căn cứ để dự báo. (0,5 điểm)

-----Hết-----

Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, không được sử dụng tài liệu.

Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

01. B; 02. D; 03. A; 04. C; 05. A; 06. D; 07. A; 08. B; 09. B;

10. B; 11. D; 12. A; 13. C; 14. A; 15. C; 16. A;

17. D; 18. A; 19. C; 20. D; 21. A; 22. C; 23. B; 24. D;

25. C; 26. D; 27. B; 28. C; 29. B; 30. B; 31. B; 32. C;

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 đ)	Nguyên nhân nào làm suy giảm số lượng loài động, thực vật tự nhiên. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.	1,0
	a. Nguyên nhân :	0,5
	– Tác động của con người (phá rừng bừa bãi, khai thác không hợp lí, đốt rừng lấy đất canh tác, gây ô nhiễm môi trường nước...) đã làm...	0,25
	– Ngoài ra còn cháy rừng bởi các thiên tai gây ra...	0,25
	a. Các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng:	0,5

	-Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên. Ban hành “Sách đỏ Việt Nam”.	0,25
	-Quy định khai thác :Cấm khai thác gỗ qu, khai thác gỗ trong rừng cấm, rừng non, gây cháy rừng: cấm săn bắn động vật trái phép; cấm dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con, cá bột; cấm gây độc hại cho môi trường nước.	0,25
2 (0,5 đ)	Tại sao ở nước ta hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng	0,5
	-Do quy mô dân số nước ta lớn.....	0,25
	-Do số người trong độ tuổi sinh đẻ cao...	0,25
3 (0,5đ)	Dự báo và căn cứ dự báo:	0,5
	<i>HS có thể nêu các xu hướng thay đổi khác nhau về tỉ lệ đất nông nghiệp (tăng hoặc giảm) đều được, miễn là nêu được các cơ sở dự báo hợp lí.</i> <i>Ví dụ:</i> -Xu hướng tỉ lệ đất nông nghiệp giảm vì: Dt đất chuyên dùng, đất ở, đất nông nghiệp bị thoái hóa, bạc màu, nhiễm mặn tăng lên... - Xu hướng tỉ lệ đất nông nghiệp tăng lên nếu như có các giải pháp cải tạo và sử dụng đất hợp lí; xây dựng hệ thống thủy lợi; chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với các loại đất.	
Tổng	câu 1 + câu 2	2,0 đ

ĐỀ 6**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn ĐỊA LÍ LỚP 12***Thời gian: 45 phút***Câu 1:** Đất feralit ở nước ta có tính chất chua vì

- A.** có sự tích tụ nhiều ôxít sắt và can xi. **B.** quá trình phong hoá diễn ra rất mạnh.
C. có sự tích tụ nhiều ôxít nhôm và đồng . **D.** mưa nhiều rửa trôi các chất bado dễ tan.

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta có đường biên giới với nước Lào dài nhất?

- A.** Quảng Nam. **B.** Thanh Hóa. **C.** Kon Tum. **D.** Quảng Bình.

Câu 3: Ảnh hưởng lớn nhất của vị trí địa lí đến thiên nhiên nước ta là

- A.** quy định địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. quy định thiên nhiên mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. quy định khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. làm cho sinh vật, khoáng sản phong phú, đa dạng.

Câu 4: Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn miền Nam vì

- A.** miền Bắc có nền nhiệt thấp hơn miền Nam.
B. miền Nam ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.
C. miền Bắc có nền nhiệt cao hơn miền Nam.
D. miền Bắc ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết lát cắt địa hình từ biên giới Việt Trung đến Sông Chu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ thể hiện đặc điểm nào sau đây?

- A.** Nhìn chung địa hình phía tây bắc cao hơn phía đông nam.
B. Lát cắt địa hình đi qua núi Phu Luông và đèo Pha Đin.

- C. Lát cắt địa hình không đi qua dãy núi Hoàng Liên Sơn.
D. Các dòng sông đều tập trung ở sát biên giới Việt - Trung.

Câu 6: Khu vực địa hình đồi núi nước ta gồm có các vùng

- A. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
B. Đông Nam, Tây Nam, Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
C. Đông Nam, Tây Nam, Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây.
D. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Đông và Trường Sơn Tây.

Câu 7: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết trong các loại đất sau đây thì loại nào chiếm diện tích nhiều nhất ở khu vực Đông Bắc nước ta?

- A. Các loại đất khác và núi đá.
B. Đất feralit trên các loại đá khác.
C. Đất feralit trên đá vôi.
D. Đất feralit trên đá badan.

Câu 8: Nước ta có thể nuôi, trồng được các loài sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt và cả ôn đới là do nước ta chủ yếu có

- A. thiên nhiên mang tính nhiệt đới và thay đổi theo mùa.
B. con đường di cư của nhiều loài sinh vật đi ngang qua.
C. khí hậu mang tính chất nhiệt đới và phân hóa đa dạng.
D. khí hậu mang tính cận nhiệt và thay đổi theo độ cao.

Câu 9: Biện pháp nào sau đây quan trọng nhất nhằm bảo vệ sự đa dạng sinh học ở nước ta?

- A. Ban hành sách đỏ Việt Nam.
B. Bảo vệ rừng và trồng mới rừng.
C. Quy định việc mua bán động vật.
D. Chống ô nhiễm nguồn nước, đất.

Câu 10: Trên phần lãnh thổ đất liền, nước ta **không giáp** với các quốc gia nào sau đây?

- A. Thái lan và Mi-an-ma.
B. Cam-pu-chia và Lào.
C. Trung Quốc và Cam-pu-chia.
D. Trung Quốc và Lào.

Câu 11: Qua bảng số liệu về nhiệt độ trung bình các tháng của thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, nhận xét nào sau đây đúng nhất ?

Nhiệt độ TB tháng(° C)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	17,2	18,1	20,7	24,2	26,6	29,8	29,2	29,1	28,3	26,1	23,1	19,3
TP Hồ Chí Minh	26,5	27,6	29,0	30,5	29,5	28,5	28,0	28,0	27,6	27,6	27,0	26,0

(Nguồn Tổng cục Du Lịch Việt Nam)

- A. Biên độ chênh lệch nhiệt độ của Hà Nội là 12,6° C còn của TP Hồ Chí Minh là 4,5° C.
B. Nhiệt độ trung bình tháng 12 của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đều thấp nhất trong năm.
C. Nhiệt độ trung bình tháng 6 của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đều cao nhất trong năm.
D. Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội nhỏ hơn biên độ nhiệt của TP Hồ Chí Minh.

Câu 12: Vùng chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất ở nước ta hiện nay là

- A. duyên hải Nam Trung Bộ.
B. đồng bằng sông Hồng.
C. đồng bằng sông Cửu Long.
D. đồng bằng miền Trung.

Câu 13: Thiên nhiên đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mang tính cận nhiệt.
B. Trù phú xanh tốt.
C. Có tính cận xích đạo.
D. Thay đổi theo độ cao.

Câu 14: Hiện tượng cát bay, cát chảy làm hoang mạc hóa đất đai ở vùng ven biển miền Trung nước ta là do nhân tố nào sau đây gây ra?

- A. Bờ biển chưa ổn định lại còn có nhiều biến động xảy ra.
B. Khai thác sa khoáng quá mức để làm vật liệu xây dựng.

C. Hướng chạy lãnh thổ gần như vuông góc với hướng gió.

D. Rừng ngập mặn chiếm diện tích ít lại bị chặt phá mạnh.

Câu 15: Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta so với đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là do

A. lượng mưa lớn nhất và tập trung .

B. mật độ dân số cao nhất nước ta.

C. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc

D. địa hình thấp, có 3 mặt giáp biển.

Câu 16: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 -7, hãy cho biết các dãy núi nào sau đây của nước ta chạy theo hướng tây bắc- đông nam ?

A. Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, Ngân Sơn.

B. Hoàng Sơn, Ngân Sơn, Pu Sam Sao.

C. Đông Triều, Pu Sam Sao, Pu Đen Đinh.

D. Tam Điệp, Con Voi, Hoàng Liên Sơn.

Câu 17: Việc trồng rừng ven biển Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu nào sau đây?

A. Chắn gió bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.

B. Bảo vệ môi trường sống các loài động vật tự nhiên .

C. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột ở các con sông.

D. Giữ gìn nguồn gen của các loài sinh vật quý hiếm.

Câu 18: Đặc điểm nổi bật về mặt tự nhiên trên lãnh thổ phần đất liền Việt nam là đất nước nhiều

A. núi cao.

B. cao nguyên .

C. đồi núi.

D. sông lớn.

Câu 19: Biển Đông ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên nước ta qua đặc điểm nào sau đây?

A. Đồng bằng ven biển tập trung nhiều ở Nam Bộ.

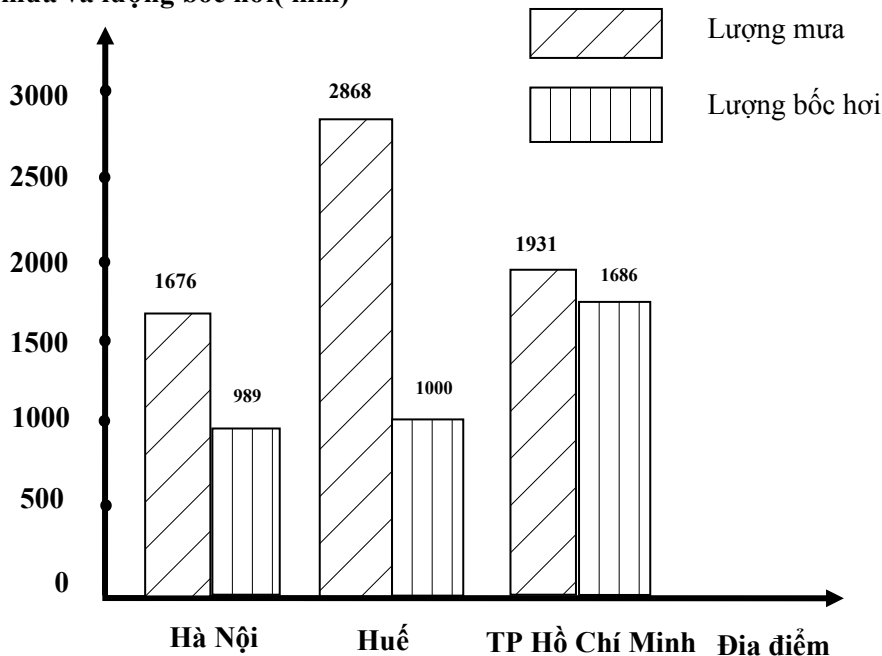
B. Khí hậu nước ta mang tính chất hải dương.

C. Diện tích rừng ngập mặn nhiều nhất ở Bắc Bộ.

D. Tính nhiệt đới trong các thành phần tự nhiên.

Câu 20: Qua biểu đồ biểu thị lượng mưa và lượng bốc hơi của các địa điểm sau, nhận xét nào sau đây **không** chính xác?

Lượng mưa và lượng bốc hơi(mm)



Biểu đồ biểu thị lượng mưa và lượng bốc hơi của Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh

A. Cân bằng ẩm của Hà Nội cao hơn cân bằng ẩm của TP Hồ Chí Minh và thấp hơn Huế.

B. Tổng lượng bốc hơi của Huế với Hà Nội cao hơn lượng bốc hơi của TP Hồ Chí Minh.

C. Tổng lượng mưa của Hà Nội với thành phố Hồ Chí Minh ít hơn lượng mưa của Huế.

D. Lượng bốc hơi của Huế cao hơn của Hà Nội nhưng lại thấp hơn của TP Hồ Chí Minh.

Câu 21: Ở miền Nam đai nhiệt đới gió mùa phân bố lên đến độ cao

- A. trên 2600 m. B. dưới 600- 700 m. C. 900- 1000 m. D. 1600-1700 m.

Câu 22: Phạm vi lãnh thổ của nước ta gồm có

- A. vùng đất, vùng đặc quyền kinh tế. B. vùng đất, thềm lục địa và vùng trời.
C. vùng trời, vùng đất và vùng lãnh hải. D. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Câu 23: Cấu trúc địa hình nước ta đa dạng gồm hai hướng chính là

- A. đông tây và hướng tây bắc - đông nam.
B. đông tây - nam bắc và hướng vòng cung.
C. Đông nam - đông bắc và hướng vòng cung.
D. tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.

Câu 24: Biểu hiện của tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. có mùa đông lạnh sâu sắc và kéo dài ở khắp mọi nơi.
B. tổng bức xạ nhỏ, cân bằng bức xạ dương quanh năm .
C. nhiệt độ trung bình năm trên cả nước luôn lớn hơn 20⁰c.
D. lãnh thổ trong năm có một lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 25: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với gió mùa mùa đông ở nước ta ?

- A. Gió lạnh, thổi từng đợt và không kéo dài liên tục .
B. Bị biến tính, suy yếu dần khi di chuyển về phía nam.
C. Đầu mùa lạnh khô, cuối mùa lạnh ẩm gây mưa phùn.
D. Gây hiệu ứng phơn mạnh cho vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 26: Nguyên nhân chính làm cho đồng bằng sông Cửu Long ngập lụt trên diện rộng là

- A. không có đê sông ngăn lũ B. mưa lớn và triều cường.
C. bão lớn và lũ nguồn về. D. mưa bão trên diện rộng.

Câu 27: Nguyên nhân chính làm thiên nhiên phân hóa Bắc – Nam là do sự phân hóa của

- A. đất đai. B. sinh vật. C. địa hình. D. khí hậu.

Câu 28: Điểm nào sau đây **không đúng** khi nói về ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta?

- A. Biển Đông mang lại cho nước ta một lượng mưa lớn .
B. Biển Đông làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc
C. Biển Đông làm tăng độ ẩm tương đối của không khí.
D. Biển đông làm cho khí hậu nước ta bớt khắc nghiệt.

Câu 29: Nhận định nào sau đây **không đúng** với đặc điểm của địa hình nước ta?

- A. . Bồi tụ nhanh ở các đồng bằng hạ lưu sông.
B. Núi trên 2000 mét chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước.
C. Các đồng bằng châu thổ ngày càng mở rộng.
D. Xâm thực mạnh ở khu vực địa hình đồi núi.

Câu 30: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9 và kiến thức đã học, hãy cho biết mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ nước ta vào mùa nào sau đây?

- A. Đông - xuân. B. Xuân- hè. C. Thu - đông. D. Hè - thu.

----- HẾT -----

Họ và tên :

Số báo danh :

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, nhà xuất bản Giáo Dục.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	D	D	B	A	A	A	B	C	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	B	B	C	C	D	A	C	B	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	C	D	D	C	D	B	D	B	B	C

ĐỀ 7

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

I. Phần trắc nghiệm: (4 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất.**Câu 1: Nguyên nhân của sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam ở nước ta là do**

- A. vĩ độ địa lí và Mặt Trời lên thiên đỉnh. B. Mặt Trời lên thiên đỉnh và gió mùa Đông Bắc.
C. chiều dài lãnh thổ và gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Đông Bắc và vĩ độ địa lí.

Câu 2: Thời tiết rất nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. Gió Tây Nam. D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 3: Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh vật ở nước ta là do

- A. chiến tranh tàn phá các khu rừng. B. biến đổi khí hậu.
C. săn bắt động vật hoang dã. D. ô nhiễm môi trường.

Câu 4: Đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ năm

- A. 1996. B. 1976. C. 1986. D. 2016.

Câu 5: Nơi có nhiều bão nhất ở Việt Nam là

- A. miền Nam. B. miền Bắc. C. Tây Nguyên. D. miền Trung.

Câu 6: Nguyên nhân nào sau đây làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung ngập lụt trên diện rộng?

- A. Mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.
B. Sông ngắn, dốc.
C. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển.
D. Mùa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.

Câu 7: Độ che phủ rừng vào năm 1943 của nước ta là (%):

- A. 43,0. B. 44,0. C. 41,0. D. 42,0.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ không có các cao nguyên nào sau đây?

- A. Sín Chải. B. Kun Tum. C. Mộc Châu. D. Tà Phình.

Câu 9: Đại nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc độ cao từ 600 - 700m, còn miền Nam lên đến 900 - 1000m mới có, vì

- A. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
B. địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
C. miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
D. nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.

Câu 10: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hoá quan hệ từ năm

- A. 1994. B. 1986. C. 2007. D. 1995.

Câu 11: Mục tiêu chung của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường ở Việt Nam là

- A. chú trọng việc bảo vệ môi trường chống ô nhiễm.
B. đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với sự phát triển bền vững.
C. đảm bảo sự bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
D. bảo vệ tài nguyên khỏi cạn kiệt và môi trường khỏi bị ô nhiễm.

Câu 12: Nhận xét nào sau đây không đúng với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Có nhiều cao nguyên đá badan xếp tầng.
B. Có nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, lòng chảo.
C. Miền duy nhất có địa hình cao ở nước ta với đủ ba đai cao.
D. Địa hình núi chiếm ưu thế với các dãy núi hướng tây bắc – đông nam.

Câu 13: Nguyên nhân gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ là do

- A. Tín phong bán cầu Bắc. B. Tín phong bán cầu Nam.
C. Gió mùa Đông Bắc. D. Gió Tây khô nóng.

Câu 14: Để phòng chống khô hạn lâu dài, cần

- A. sản xuất theo mô hình nông lâm kết hợp. B. bố trí nhiều trạm bơm nước.
C. xây dựng các công trình thủy lợi hợp lí. D. thực kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

Câu 15: Biện pháp nào sau đây không liên quan trực tiếp đến bảo vệ tài nguyên đất ở đồng bằng?

- A. Bảo vệ rừng và đất rừng. B. Bón phân cải tạo đất thích hợp.
C. Canh tác hợp lí. D. Chống nhiễm mặn, nhiễm phèn.

Câu 16: Biện pháp nào sau đây không liên quan đến bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia.
B. Ban hành Sách đỏ Việt Nam.
C. Quy định việc khai thác.
D. Có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

II. Phần tự luận: (6điểm)

Câu 1. (1,0đ): Trình bày hậu quả và biện pháp phòng chống bão ở nước ta?

Câu 2. (1,0đ): Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao? Sự phân hóa theo độ cao ở nước ta biểu hiện rõ ở các thành phần tự nhiên nào?

Câu 3. (1,0đ): Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Bắc có những vùng khí hậu nào?

Câu 4. (3,0đ): Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1975	1983	1990	1995	1999	2003
Diện tích	10,6	13,8	10,0	9,8	8,3	6,8

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sự thay đổi diện tích đất hoang, đồi trọc nước ta giai đoạn 1975 – 2003.
b. Nhận xét và giải thích.

(HS được sử dụng Atlas trong khi làm bài)

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM - ĐỊA LÍ 12

Câu	Nội dung																Điểm	
	I. Phần trắc nghiệm: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ'																4,0đ'	
	Mã đề 485																	
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		16
	Đ.á n	C	C	B	C	D	D	A	B	D	D	B	A	C	C	A		D
	II. Phần tự luận:																6,0đ'	
Câu 1 (1,0đ')	<p>* Hậu quả và biện pháp phòng chống bão:</p> <p>- Hậu quả:</p> <p>+ Mưa lớn trên diện rộng (300 - 400mm), gây ngập úng đồng ruộng, đường giao thông. . . Thủy triều dâng cao làm ngập mặn vùng ven biển.</p> <p>+ Gió mạnh làm lật úp tàu thuyền, tàn phá nhà cửa, cầu cống, cột điện cao thế...</p> <p>+ Ô nhiễm môi trường gây dịch bệnh.</p> <p>- Biện pháp phòng chống bão:</p> <p>+ Dự báo chính xác về quá trình hình thành và hướng di chuyển của cơn bão.</p> <p>+ Thông báo cho tàu thuyền đánh cá trở về đất liền.</p> <p>+ Củng cố hệ thống đê kè ven biển.</p> <p>+ Sơ tán dân khi có bão mạnh.</p> <p>+ Chống lũ lụt ở đồng bằng, chống xói mòn lũ quét ở miền núi.</p>																1,0 đ' 0,5 đ' <	

ĐỀ 8

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÝ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

I – Phần trắc nghiệm. (7 điểm)

Câu 1. Đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ

A. Đất nước thống nhất năm 1975.
1979.

B. Cải cách trong nông nghiệp năm

C. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986).

D. Việt Nam bắt đầu xuất khẩu gạo ra thế giới.

Câu 2. Sau Đổi mới cơ cấu kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng

- A. thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.
 B. tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.
 C. cơ cấu lãnh thổ cũng chuyển biến rõ nét.
 D. công nghiệp hóa hiện đại hóa.

Câu 3. Nước ta nằm ở vị trí

- A. rìa phía đông của bán đảo Đông Dương.
 B. phía nam của Đông Nam Á
 C. trung tâm của bán đảo Đông Dương.
 D. phía đông Đông Nam Á

Câu 4. Vị trí địa lí ảnh hưởng như thế nào đến thiên nhiên nước ta?

- A. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
 B. Làm cho sinh vật phong phú, đa dạng.
 C. Là địa hình nhiều đồi núi.
 D. Quy định thiên nhiên có bốn mùa rõ rệt.

Câu 5. Đặc điểm nào **không đúng** với địa hình Việt Nam ?

- A. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.
 B. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.
 C. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, phần lớn là núi cao trên 2000m.
 D. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, có sự phân bậc rõ rệt.

Câu 6. Miền núi nước ta có các cao nguyên và thung lũng, tạo thuận lợi cho việc hình thành các vùng chuyên canh

- A. lương thực.
 B. cây công nghiệp.
 C. thực phẩm.
 D. hoa màu.

Câu 7. Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc nước ta là

- A. gồm các khối núi và cao nguyên.
 B. có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.
 C. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
 D. gồm các dãy núi song song hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 8. Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng nước ta là nơi

- A. không được bồi tụ phù sa hàng năm.
 B. có nhiều ô trũng ngập nước.
 C. được canh tác nhiều nhất.
 D. được bồi tụ phù sa hàng năm.

Câu 9. Hệ sinh thái nào sau đây là đặc trưng của vùng ven biển nước ta?

- A. Rừng ngập mặn
 B. Rừng kín thường xanh.
 C. Rừng cận xích đạo gió mùa.
 D. Rừng thưa nhiệt đới khô.

Câu 10. Ven biển Nam Trung Bộ là vùng thuận lợi nhất cho nghề làm muối ở nước ta nhờ có:

- A. Nhiều bãi cát rộng.
 B. Nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông lớn đổ ra biển.
 C. Nhiều sông lớn đổ ra biển.
 D. Tiếp giáp với vùng biển nước sâu.

Câu 11. Khí hậu nước ta có tính chất gió mùa là do

- A. hoạt động của gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.
 B. hoạt động quanh năm của Tín phong ở bán cầu Bắc.
 C. sự phân mùa của khí hậu nước ta.
 D. nước ta có đầy đủ các mùa trong năm.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với mạng lưới sông ngòi nước ta?

- A. Nhiều sông.
 B. Phần lớn là sông nhỏ.
 C. Mật độ sông lớn.
 D. Ít phụ lưu.

Câu 13. Nguyên nhân nào gây ra gió tây khô nóng ở miền Trung nước ta?

- A. Gió Đông Nam vượt dãy Trường Sơn.
 B. Gió Tây Nam vượt dãy Trường Sơn.
 C. Gió Đông Bắc vượt dãy Trường Sơn.
 D. Gió Tây Bắc vượt dãy Trường Sơn

Câu 14. Tính chất nào **không phải** là đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam?

- A. Nền nhiệt độ cao.
 B. Lượng mưa lớn.
 C. Có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.
 D. Phân hoá rõ nét.

Câu 15. Cảnh quan thiên nhiên nào là tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Nam nước ta ?

- A. Đới rừng cận nhiệt đới gió mùa.
 B. Đới rừng cận xích đạo gió mùa.
 C. Đới rừng nhiệt đới gió mùa.
 D. Đới rừng xích đạo gió mùa.

Câu 16. Các nhóm đất chủ yếu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi nước ta là

- A. đất phù sa và feralit. B. đất feralit và đất mùn thô. C. feralit có mùn và đất mùn. D. đất mùn và đất mùn thô.

Câu 17. Đặc điểm nào là của khí hậu đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi nước ta ?

- A. Tổng nhiệt độ năm lớn. B. Độ ẩm giảm rất nhiều so với ở chân núi.
C. Lượng mưa giảm khi lên cao. D. Mát mẻ, không có tháng nào trên 25°C.

Câu 18. Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta?

- A. Đất phù sa. B. Đất feralit. C. Đất feralit có mùn. D. Đất mùn thô.

Câu 19. Tính đa dạng sinh học của sinh vật ở nước ta thể hiện ở

- A. số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm.
B. số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
C. giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý.
D. thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý.

Câu 20. Biện pháp kĩ thuật canh tác kết hợp nông – lâm nào **không được** sử dụng ở vùng đồi núi nước ta ?

- A. Làm ruộng bậc thang. B. Đào hố vẩy cá.
C. Trồng cây theo băng. D. Trồng thẳng hàng từ đỉnh xuống.

Câu 21. Nơi chịu lụt úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là vùng:

- A. Châu thổ sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ. C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Tây Bắc.

Câu 22. Ở nước ta, khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất là

- A. Đông Bắc. B. Nam Bộ. C. Tây Bắc. D. Miền Trung.

Câu 23. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết trong số 7 tỉnh biên giới trên đất liền giáp với Trung Quốc, **không có** tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết tỉ lệ diện tích lưu vực phần trên lãnh thổ Việt Nam hệ thống sông nào lớn nhất ?

- A. Sông Cả. B. Sông Đồng Nai. C. Sông Hồng. D. Sông Mê Công (Cửu Long).

Câu 25. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng VI. B. Tháng VII. C. Tháng VIII. D. Tháng IX.

Câu 26. Cho bảng số liệu: **DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY**

Năm	2005	2014
Tổng số (nghìn ha)	13 287,0	14 809,4
Cây lương thực (nghìn ha)	8 383,4	8 996,2
Cây công nghiệp (nghìn ha)	2 495,1	2 843,5
Cây khác (nghìn ha)	2 408,5	2 969,7

Để thể hiện quy mô diện tích các loại cây trồng và cơ cấu của nó qua hai năm 2005 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ tròn. C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ đường.

Câu 27. Cho bảng số liệu: **LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH**

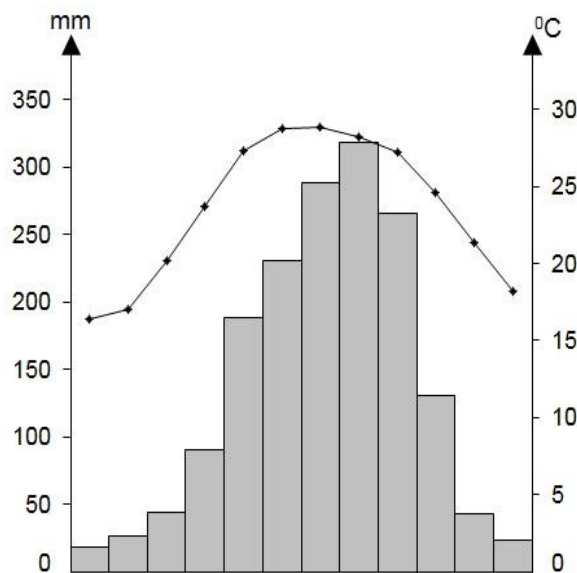
(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết so sánh nào sau đây **không đúng** về chế độ mưa giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Tháng mưa cực đại ở Hà Nội đến sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
- B. Thời gian mùa mưa ở TP. Hồ Chí Minh dài hơn Hà Nội.
- C. Tháng có lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội có tổng lượng mưa cả năm lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 28. Cho biểu đồ: **NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI**



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

- A. Chế độ mưa có sự phân mùa. B. Nhiệt độ các tháng trong năm ít chênh lệch.
- C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII. D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

II – Tự luận (3,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa biểu hiện qua địa hình nước ta như thế nào?

Câu 2. (1 điểm) Nêu đặc điểm sinh vật của đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta ?

-----HẾT-----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	C	D	A	A	C	B	C	D	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	D	B	C	B	C	D	B	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	A	C	B	C	C	B	D	B		

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Nhiệt độ trung bình năm của Việt Nam là:

A. 20°C

B. >25°C

C. 18-22°C

D. 22-27°C

Câu 2: Thuận lợi nhất của khí hậu nước ta đối với sự phát triển kinh tế là:

- A. Thúc đẩy sự đầu tư đối với sản xuất nông nghiệp.
- B. Phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và phong phú.
- C. Giao thông vận tải hoạt động thuận lợi quanh năm.
- D. Đáp ứng tốt việc tưới tiêu cho nông nghiệp.

Câu 3: Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay là:

- A. Còn nhiều khả năng.
- B. Khoảng 10 nghìn ha đất hoang hoá có thể cải tạo được.
- C. Không thể mở rộng được.
- D. Rất hạn chế.

Câu 4: Nguyên nhân nào làm cho thiên nhiên Việt Nam khác hẳn với thiên nhiên các nước có cùng vĩ độ ở Tây á, Đông Phi và Tây Phi?

- A. Do đất nước hẹp ngang, trải dài trên nhiều vĩ độ.
- B. Do nước ta có khí hậu gió mùa
- C. Do Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới
- D. Do Việt Nam có biển Đông

Câu 5: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên:

- a. Nền nhiệt độ cao, số giờ nắng nhiều.
- b. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt.
- c. Sinh vật chịu lạnh chiếm ưu thế.
- d. Có sự phân hoá tự nhiên theo lãnh thổ rõ rệt.

Câu 6: Vị trí địa lí đem đến thuận lợi gì đối với sự phát triển KT-XH nước ta:

- a. Có chung biển Đông với các nước trong khu vực.
- b. Mở rộng mối quan hệ với các nước khác .
- c. Tạo sự phân hoá đa dạng về tự nhiên
- d. Phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.

Câu 7: Đồng bằng sông Cửu Long chiếm bao nhiêu diện tích là đất mặn và đất phèn:

- A 1/3 diện tích tự nhiên
- B. 2/3 diện tích tự nhiên
- C. Toàn bộ diện tích tự nhiên
- D. Không có đất mặn và đất phèn

Câu 8: Phần lớn đường biên giới trên đất liền của nước ta nằm ở khu vực:

- A. Đồng bằng.
- B. Trung du.
- C. Nhiều sông suối.
- D. Miền núi.

Câu 9: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là:

- A. Nhiệt đới ẩm.
- B. Nhiệt đới khô.
- C. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 10: Nước ta có các tỉnh - thành phố giáp biển là:

- A. 26 tỉnh - thành phố
- B. 27 tỉnh - thành phố
- C. 28 tỉnh - thành phố
- D. 29 tỉnh - thành phố

Câu 11: Đặc điểm nào không phải đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta

- A. Đất nước nhiều đồi núi
- B. Địa hình chịu sự tác động của con người
- C. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- D Thiên nhiên phân hoá đa dạng

Câu 12: Đâu là hạn chế lớn nhất của khu vực đồng bằng:

- A. Nhiều thiên tai: lũ lụt, ngập úng, bão.

- B. Sườn dốc, bị chia cắt mạnh trở ngại cho khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế.
 C. Dễ xảy ra lũ quét, xói mòn.
 D. Đất trượt, đá lở, động đất, sương muối.
- Câu 13. Thuận lợi của khu vực đồi núi là:
 A. Cung cấp nguồn lợi thủy hải sản.
 B. Là nơi tập trung các thành phố, khu công nghiệp, trung tâm thương mại.
 C. Phát triển giao thông đường bộ, đường sông
 D. Khí hậu mát mẻ, cảnh quan đẹp nên có tiềm năng du lịch sinh thái.
- Câu 14: Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển miền Trung là:
 A. Hẹp ngang, bị chia cắt.
 B. Đất nhiều cát, ít phù sa.
 C. Chủ yếu do phù sa biển bồi đắp.
 D. Đất phù sa màu mỡ.
- Câu 15: Trở ngại lớn nhất của địa hình đồi núi đối với việc phát triển KT-XH nước ta là:
 A. Có nhiều cao nguyên, sơn nguyên.
 B. Hướng chính là Tây Bắc-Đông Nam.
 C. Bị chia cắt mạnh, nhiều hẻm vực.
 D. Các cao nguyên xếp tầng.
- Câu 16. Nhận định chưa chính xác về đồng bằng sông Cửu Long là:
 A. Đồng bằng lớn nhất
 B. Đồng bằng trũng thấp.
 C. Phù sa bồi thường xuyên
 D. Đồng bằng phù sa sông và biển
- Câu 17: Thế mạnh lớn nhất của khu vực đồng bằng để phát triển KT-XH nước ta là:
 A. Chăn nuôi và nuôi trồng
 B. Trồng cây lương thực
 C. Phát triển GTVT biển
 D. Tập trung nhiều cảng biển
- Câu 18: Nguồn tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa qquan trọng nhất ở biển Đông nước ta là:
 A. Sa khoáng
 B. Muối
 C. Dầu mỏ
 D. Ti tan
- Câu 19: nhận định nào chưa chính xác về đặc điểm của biển Đông:
 A. Nhiệt độ nước biển thấp
 B. Có tính chất nhiệt đới gió mùa
 C. Giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản
 D. Vùng biển rộng và tương đối kín
- Câu 20: 15000 km² là diện tích của đồng bằng :
 A. Đồng Bằng sông Cửu Long
 B. Đồng bằng sông Hồng
 C. Đồng bằng Bắc Trung Bộ
 D. Đồng bằng Nam Trung Bộ
- Câu 21: Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển miền Trung là:
 A. Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
 B. Đất nhiều cát, ít phù sa.
 C. Chủ yếu do phù sa biển bồi đắp
 D. Đất phù sa màu mỡ, phì nhiêu
- Câu 22: Vùng núi nào dưới đây có hướng vòng cung:
 A. Vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc
 B. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc
 C. Vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam
 D. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Nam
- Câu 23: Diện tích đồng bằng chiếm :

- A. 25%
- B. 50%
- C. 75%
- D. 85%

Câu 24: Năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức :

- A. ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)
- B. WTO (Tổ chức thương mại thế giới)
- C. APEC (Hiệp hội các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương)
- D. OPEC (Hiệp hội dầu mỏ quốc tế)

Câu 25: $109^{\circ}24'D$ là điểm cực nào của nước ta

- A. Cực Bắc
- B. Cực Nam
- C. Cực Đông
- D. Cực Tây

Câu 26: Phần lãnh thổ đất liền của nước ta tiếp giáp với các quốc gia:

- A. Lào, Thái Lan, Trung Quốc
- B. Thái Lan, Cam-pu-chia, Trung Quốc
- C. Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan
- D. Lào, Cam-pu-chia, Trung Quốc

Câu 27: Tổng chiều dài đường biên giới nước ta :

- A. 4600km
- B. 4700km
- C. 4800km
- D. 4900km

Câu 28: 3260km là độ dài của:

- A. Các con sông nước ta
- B. Đường bờ biển nước ta
- C. Đường quốc lộ 1A
- D. Đường biên giới với Lào

Câu 29: Gió mùa Đông Bắc có đặc điểm :

- A. Lạnh khô vào đầu mùa
- B. Mát mẻ, mưa nhiều
- C. Nóng ẩm, mưa nhiều
- D. Đầu mùa lạnh ẩm

Câu 30 : **Vùng đất** (Diện tích đất liền và các hải đảo) nước ta là:

- A. 330.212km^2
- B. 332.212 km^2 .
- C. 331.212 km^2 .
- D. 333.212 km^2 .

Câu 31: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2000-2010

Năm	2000	2002	2005	2010
Nhà nước	11,7	9,5	9,5	10,4
Ngoài nhà nước	87,3	89,4	88,9	86,1
Có vốn đầu tư nước ngoài	1,0	1,1	1,6	3,5

Để thể hiện : Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2000-2010 ta vẽ biểu đồ:

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ tròn
- C. Biểu đồ đường
- D. Biểu đồ miền

Câu 32: Giới hạn vùng núi nào nằm giữa sông Cả và dãy Bạch MãA. vùng núi Đông Bắc

- B. vùng núi Tây Bắc
C. vùng núi Trường Sơn Bắc
D. vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 33: Núi thấp chiếm bao nhiêu % địa hình nước ta:

- A. 65 %
B. 75%
C. 85%
D. 95%

Câu 34: Tổng số giờ nắng nước ta đạt:

- A. 1.400 – 3.000 giờ/năm.
B. 1.200 – 3.000 giờ/năm.
C. 1.000 – 3.500 giờ/năm.
D. 1500 - 4000 giờ / năm

Câu 35: Lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển có chiều dài:

- A. 10 hải lí
B. 12 hải lí
C. 14 hải lí
D. 16 hải lí

ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án
1	A.
2	B.
3	D.
4	D.
5	A.
6	B.
7	B.
8	D.
9	C.
10	C.
11	B.
12	A.
13	D.
14	D.
15	C.
16	D.
17	B.
18	C.
19	A.
20	B.
21	D.
22	C.
23	A.
24	B.
25	C.
26	D.
27	A.
28	B.
29	A.
30	C.

31	D.
32	C.
33	C.
34	A.
35	B.

ĐỀ 10**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I****Môn ĐỊA LÝ LỚP 12***Thời gian: 45 phút*

Câu 1: Giải pháp chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi nước ta là:

- A. Đẩy mạnh việc trồng cây lương thực.
- B. Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác nông - lâm nghiệp.
- C. Phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình.
- D. Đẩy mạnh mô hình kinh tế trang trại.

Câu 2: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam?

- A. Có sự phân hóa đa dạng.
- B. Có mùa đông lạnh kéo dài 2 – 3 tháng trên toàn lãnh thổ.
- C. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Mang tính chất thất thường.

Câu 3: Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:

- A. Có hướng Tây Bắc – Đông Nam là chủ yếu.
- B. Sông thường ngắn, dốc, dễ xảy ra lũ lụt.
- C. Sông có lượng nước lớn, nhiều phù sa.
- D. Phần lớn là sông nhỏ, diện tích lưu vực nhỏ.

Câu 4: Vùng có tần suất xuất hiện động đất lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

- A. Tây Nguyên C. Tây Bắc
- B. Đông Bắc D. Bắc Trung Bộ

Câu 5: Tây Bắc có mùa đông ít lạnh hơn Đông Bắc nhờ:

- A. Có địa hình cao hơn.
- B. Có địa hình hướng vòng cung.
- C. Có hướng địa hình chủ yếu là Tây Bắc – Đông Nam.
- D. Có dãy Hoàng Liên Sơn ngăn gió mùa Đông Bắc.

Câu 6: Vào đầu mùa hạ, gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng:

- A. Nam Bộ C. Tây Nguyên và Nam Bộ
- B. Phía Nam đèo Hải Vân D. Trên cả nước

Câu 7: Trên lãnh thổ Việt Nam, đai ôn đới gió mùa trên núi ở độ cao từ:

- A. 2400 m trở lên C. 2600 m trở lên
- B. 2500 m trở lên D. 2700 m trở lên

Câu 8: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta là:

- A. Rừng ngập mặn.
- B. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
- C. Xavan, bụi gai hạn nhiệt đới.
- D. Rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 9: Nơi nào ở nước ta trong năm có hai mùa khô và mưa rất rõ rệt?

- A. Miền Bắc C. Miền Nam
- B. Miền Trung D. Câu A + B đúng

Câu 10: Đặc điểm nào sau đây **không** phải là của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đại nhiệt đới gió mùa chân núi lên đến độ cao 1000m.
- B. Hướng chính của các dãy núi và các dòng sông là hướng vòng cung.
- C. Tính chất nhiệt đới bị giảm sút khá mạnh.
- D. Bao gồm khu vực đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 11: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở:

- A. Bắc Bộ C. Bắc Trung Bộ
- B. Nam Trung Bộ D. Nam Bộ

Câu 12: Quá trình nào sau đây đã tạo cho đất feralit có màu đỏ vàng?

- A. Tích tụ mạnh các chất Fe_2O_3 , Al_2O_3 .
- B. Phong hóa mạnh các loại đá mẹ.
- C. Rửa trôi mạnh các chất bazơ.
- D. Khai thác và sử dụng đất quá mức của con người.

Câu 13: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là:

- A. Cận xích đạo gió mùa
- B. Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh
- C. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh
- D. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh

Câu 14: Loại rừng nào sau đây **không** được xếp vào rừng phòng hộ?

- A. Vườn quốc gia C. Rừng chắn gió cát bay
- B. Rừng đầu nguồn D. Rừng chắn sóng ven biển

Câu 15: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra) là:

- A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo
- B. Đới rừng xích đạo
- C. Đới rừng nhiệt đới
- D. Đới rừng nhiệt đới gió mùa

Câu 16: Hoạt động ngoại lực đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là:

- A. Mài mòn - bồi tụ C. Xói mòn - rửa trôi
- B. Xâm thực - bồi tụ D. Xâm thực - mài mòn

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần phía Nam lãnh thổ nước ta (từ 16°B trở vào)?

- A. Quanh năm nóng
- B. Về mùa khô có mưa phùn

- C. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C
D. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt

Câu 18: Sự phân hóa địa hình nước ta: vùng biển – thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo:

- A. Bắc - Nam C. Đông - Tây
B. Độ cao D. Câu A + B đúng

Câu 19: Ở nước ta, bão tập trung nhiều nhất vào:

- A. Tháng VII B. Tháng VIII C. Tháng IX D. Tháng X

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây là biểu hiện của khí hậu thuộc đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta?

- A. Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C, độ ẩm cao.
B. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng đều trên 25°C, độ ẩm thay đổi tùy nơi.
C. Khí hậu lạnh, quanh năm nhiệt độ dưới 15°C.
D. Khí hậu rất lạnh, quanh năm dưới 5°C.

Câu 21: Khoáng sản nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là:

- A. Than đá và apatít.
B. Vật liệu xây dựng và quặng sắt.
C. Dầu khí và bôxít.
D. Thiếc và khí tự nhiên.

Câu 22: Ở miền Nam không có đai ôn đới, vì ở đây:

- A. Nằm gần Xích đạo.
B. Không có gió mùa Đông Bắc hoạt động.
C. Nằm kề vùng biển ấm rất rộng.
D. Không có các núi cao trên 2600m.

Câu 23: Ở nước ta, vùng đồng bằng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất là:

- A. Đồng bằng sông Hồng
B. Đồng bằng Duyên hải miền Trung
C. Đồng bằng sông Cửu Long
D. Câu A + B đúng

Câu 24: Nhóm đất có diện tích lớn trong đai nhiệt đới gió mùa chân núi ở nước ta là:

- A. Đất phèn, đất mặn C. Đất feralit
B. Đất phù sa D. Đất feralit có mùn

Câu 25: Các dãy núi trong miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ chạy theo hướng chính là:

- A. Tây Bắc - Đông Nam C. Đông - Tây
B. Tây Nam - Đông Bắc D. Bắc - Nam

Câu 26: Tổng lượng phù sa hàng năm sông ngòi nước ta vận chuyển được khoảng:

- A. 100 triệu tấn/năm C. 150 triệu tấn/năm
B. 180 triệu tấn/năm D. 200 triệu tấn/năm

Câu 27: Theo cách chia hiện nay, số lượng các miền địa lí tự nhiên của nước ta là:

- A. 5 miền B. 4 miền C. 3 miền D. 2 miền

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây là của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Hướng chính của các dãy núi và các dòng sông là hướng vòng cung.
- B. Địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- C. Đại nhiệt đới gió mùa chân núi lên đến độ cao 1000m.
- D. Là miền duy nhất có đầy đủ 3 đai cao.

Câu 29: Ở nước ta, thời tiết do gió phơn Tây Nam mang lại là:

- A. Ấm, nóng B. Lạnh, ẩm C. Khô, lạnh D. Nóng, khô

Câu 30: Đất feralit ở nước ta có đặc điểm nổi bật là:

- A. Thường có màu đỏ vàng, khá màu mỡ.
- B. Thường có màu nâu, phù hợp với nhiều loài cây trồng công nghiệp dài ngày.
- C. Thường có màu đen, xốp, dễ thoát nước.
- D. Thường có màu đỏ vàng, đất chua, nghèo mùn.

Câu 31: Ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ, Ngọc Linh là tên của:

- A. Một ngọn núi cao C. Một dòng sông
- B. Một bãi biển đẹp D. Một vườn quốc gia

Câu 32: Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là:

- A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc
- B. Cực Nam Trung Bộ
- C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên
- D. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 33: Trên lãnh thổ Việt Nam, số lượng các con sông có chiều dài trên 10 km là:

- A. 3260 B. 3620 C. 2360 D. 2630

Câu 34: Thời gian gió mùa mùa đông thổi vào nước ta là từ:

- A. Tháng IX đến tháng IV C. Tháng XI đến tháng IV
- B. Tháng X đến tháng IV D. Tháng XII đến tháng IV

Câu 35: Dãy núi được coi là ranh giới khí hậu giữa hai miền khí hậu phía Bắc và phía Nam là:

- A. Kẻ Bàng C. Hoàng Sơn
- B. Bạch Mã D. Hoàng Liên Sơn

Câu 36: Từ tháng XI đến tháng IV ở nước ta, loại gió chiếm ưu thế chủ yếu từ vĩ tuyến 16°B trở vào là:

- A. Gió mùa Đông Nam C. Gió mùa Đông Bắc
- B. Gió mùa Tây Nam D. Gió Tín phong Bắc bán cầu

Cho bảng số liệu sau:

Sự biến động diện tích rừng của nước ta qua một số năm

(Đơn vị: Triệu ha)

Năm	1943	1975	1983	1990	1999	2005
Tổng diện tích rừng	14,3	9,6	7,2	9,2	10,9	12,7
- Rừng tự nhiên	14,3	9,5	6,8	8,4	9,4	10,2
- Rừng trồng	0,0	0,1	0,4	0,8	1,5	2,5

Căn cứ vào bảng số liệu đã cho và kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi từ câu số 37 đến câu số 40:

Câu 37: Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động về diện tích rừng nước ta qua các năm là:

- A. Biểu đồ cột chồng C. Biểu đồ kết hợp (cột + đường)
B. Biểu đồ đường D. Biểu đồ cột nhóm

Câu 38: Giả sử tổng diện tích đất tự nhiên nước ta là 33,1 triệu ha và không thay đổi từ năm 1943 đến năm 2005. Độ che phủ rừng của nước ta năm 1943 và 2005 lần lượt là:

- A. 29,0% và 32,9% B. 43,2% và 30,8% C. 22,1% và 33,1% D. 43,2% và 38,4%

Câu 39: Tổng diện tích rừng của nước ta năm 2005 tăng so với năm 1975 là:

- A. 5,5 triệu ha B. 3,1 triệu ha C. 1,6 triệu ha D. 2,5 triệu ha

Câu 40: Nhận định đúng nhất là:

- A. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.
B. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nên diện tích và chất lượng rừng được phục hồi.
C. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn.
D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

----- HẾT -----
ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	B	B	C	C	D	C	C	D	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	A	C	A	D	B	B	C	C	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	C	D	A	C	A	D	C	D	D	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	A	B	C	C	B	D	A	D	B	C

ĐỀ 11

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÝ LỚP 12

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là:

- A. Rừng xích đạo gió mùa. B. Rừng gió mùa cận xích đạo.
C. Rừng nhiệt đới gió mùa. D. Rừng cận nhiệt gió mùa.

Câu 2: Vùng thường xảy ra lũ quét ở nước ta là:

- A. Vùng núi phía Bắc. B. Đồng bằng sông Hồng
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 3: Sự phân hóa đai địa hình: vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo:

- A. Đất đai. B. Sinh vật. C. Bắc – Nam. D. Đông – Tây.

Câu 4: Mưa phùn là mưa

- A. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
B. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.
C. diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.
D. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.

Câu 5: Bằng kiến thức bản thân và dựa vào ất lát địa lí Việt Nam (trang 9) ở nước ta bão thường tập trung nhiều nhất vào tháng nào?

- A. 8. B. 9. C. 10. D. 7.

Câu 6: Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa Nam và Bắc (ranh giới là dãy Bạch Mã) **không phải** do sự khác nhau về:

- A. Nhiệt độ trung bình B. Số giờ nắng. C. Lượng bức xạ. D. Lượng mưa.

Câu 7: Biên độ nhiệt trung bình năm ở nước ta có xu hướng

- A. giảm dần từ Bắc vào Nam. B. chênh lệch nhau ít giữa Bắc và nam.
C. tăng dần từ Bắc vào Nam D. tăng, giảm tùy lúc.

Câu 8: Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là

- A. đất đai. B. địa hình. C. khí hậu. D. sinh vật

Câu 9: Hướng gió thổi chiếm ưu thế của gió tín phong bán cầu Bắc từ khu vực dãy Bạch Mã trở vào nam từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau là:

- A. đông bắc. B. tây nam. C. đông nam. D. tây bắc.

Câu 10: Động vật nào sau đây **không** tiêu biểu cho phần phía Nam lãnh thổ?

- A. Thú lớn (Voi, hổ, báo,...). B. Thú có lông dày (gấu, chồn,...).
C. Thú có móng vuốt D. Trăn, rắn, cá sấu

Câu 11: Nhận định nào sau đây **không đúng** với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền
B. Đường bờ biển Nam Trung bộ bằng phẳng
C. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng
D. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.

Câu 12: Vùng nào ở nước ta thường khô hạn kéo dài và tình trạng hạn hán khắc nghiệt nhất:

- A. Vùng ven biển cực Nam Trung Bộ. B. Vùng Nam Bộ.
C. Vùng Đông Bắc. D. Vùng Tây Nguyên.

Câu 13: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở

- A. mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.
B. khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.
C. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió phơn tây nam, lượng mưa giảm.
D. mùa đông lạnh đến sớm hơn các vùng núi thấp.

Câu 14: Lượng mưa trung bình năm(mm) của nước ta dao động từ

- A. 1800-2000 B. 1600-2000. C. 1500-2000. D. 1700-2000.

Câu 15: Trong 4 địa điểm sau, nơi có mưa nhiều nhất là :

- A. Phan Thiết. B. Huế. C. Nha Trang. D. Hà Nội.

Câu 16: Loại cây nào sau đây thuộc loại cây cận nhiệt đới?

- A. Dẻ, re. B. Dầu, vang C. Sa mu, pơ mu. D. Dẻ, pơ mu.

Câu 17: Đặc điểm nào **đúng nhất** của bão ở nước ta?

- A. Tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.
B. Diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.
C. Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.
D. Chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.

Câu 18: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với gió mùa Đông Bắc ở nước ta:

- A. chỉ hoạt động ở miền Bắc
B. thổi liên tục trong suốt mùa đông.
C. hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã.

D. tạo nên mùa đông có 2-3 tháng lạnh ở miền Bắc.

Câu 19: Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là :

- A. Có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.
- B. Dự báo chính xác đường đi của bão.
- C. Củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.
- D. Sơ tán dân đến nơi an toàn.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, phần lớn diện tích đất mặn ở nước ta tập trung ở vùng

- A. Duyên hải Miền Trung.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. đồng bằng sông Hồng.

Câu 21: Ở nước ta khi bão đổ bộ vào đất liền thì phạm vi ảnh hưởng rộng nhất là vùng :

- A. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Bắc.

Câu 22: Ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là

- A. đèo Hải Vân.
- B. đèo Ngang.
- C. dãy Hoàng Sơn.
- D. dãy Bạch Mã.

Câu 23: Điểm nào sau đây **không đúng** với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền
- B. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.
- C. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng
- D. Đường bờ biển Nam Trung bộ bằng phẳng

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng của bão với tần suất lớn nhất?

- A. Ven biển Nam Trung Bộ.
- B. Ven biển các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Ven biển Bắc Bộ.
- D. Ven biển các tỉnh Thanh Hoá Nghệ An.

Câu 25: Gió thổi vào nước ta mang lại thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông và lạnh ẩm vào cuối mùa đông cho miền Bắc là:

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Gió Mậu dịch nửa cầu Nam
- C. Gió mậu dịch nửa cầu Bắc.
- D. Gió Tây Nam từ vịnh Tây Bengal

Câu 26: Dạng thời tiết đặc biệt thường xuất hiện vào mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ ở nước ta là

- A. mưa phùn và mưa rào.
- B. mưa đá và dông.
- C. sương mù, sương muối và mưa phùn.
- D. hạn hán và lốc tố.

Câu 27: Diện tích rừng (triệu ha) và độ che phủ rừng(%) của nước ta năm 1943 là (%)

- A. 14,3 triệu ha và 43%.
- B. 12,7 triệu ha và 38%.
- C. 10,2 triệu ha và 22%.
- D. 15 triệu ha và 50%.

Câu 28: Đại nhiệt đới gió mùa ở Miền Bắc bị hạ thấp(<600-700m) trong khi ở Miền Nam được “đẩy” lên cao (>900-1000m), vì

- A. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
- B. miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
- C. địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- D. nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.

Câu 29: Đặc điểm nào của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.
- B. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- D. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.

Câu 30: Cao nguyên đất đỏ ba dan rộng lớn nhất ở nước ta là

- A. Lâm Viên.
- B. Di Linh.
- C. Plây-cu.
- D. Đắc Lắc

Câu 31: Nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta có tính chất lạnh ẩm vì:

- A. Gió càng gần về phía Nam.
- B. Gió thổi qua biển Nhật Bản và biển Hoàng Hải.

- C. Gió di chuyển về phía Đông
D. Gió thổi qua lục địa Trung Hoa rộng lớn.

Câu 32: Biện pháp nào được xem là quan trọng nhất nhằm bảo vệ rừng sản xuất?

- A. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên.
B. Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.
C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
D. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có.

Câu 33: Khí hậu Việt Nam chịu ảnh hưởng của các khối khí hoạt động theo mùa với mấy mùa gió chính?

- A. Ba mùa. B. Bốn mùa. C. Hai mùa. D. Một mùa.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông ngòi ở khu vực nào sau đây của nước ta có đặc điểm nhỏ, ngắn và chảy chủ yếu theo hướng Tây-Đông?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. TD&MN Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 35: Đối với nước ta, để bảo đảm cân bằng môi trường sinh thái cần phải:

- A. Nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.
B. Đạt độ che phủ rừng lên trên 50%.
C. Duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.
D. Nâng độ che phủ lên từ 45% - 50% ở vùng núi lên 70% - 80%.

Câu 36: Độ ẩm không khí của nước ta dao động từ (%)

- A. 50-100. B. 70-100. C. 60-100. D. 80-100.

Câu 37: Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA VÀ LƯỢNG BỐC HƠI Ở NƯỚC TA.

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)
Hà Nội	1667	989
Huế	2868	1000
TP.Hồ Chí Minh	1931	1686

Qua bảng số liệu trên cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế và TP.Hồ Chí Minh là

- A. +2656, +3868, +3617. B. +678, +1868, +245.
C. -678, -1868, -245. D. -2656, -3868, -3617.

Câu 38: Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là:

- A. Bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.
B. Di dân ở những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét.
C. Xây dựng các hồ chứa nước.
D. Quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 39: Mùa mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên diễn ra

- A. quanh năm. B. từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.
C. từ tháng 5 đến tháng 10. D. từ tháng 1 đến tháng 6.

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết thảm thực vật rừng ôn đới núi cao chỉ xuất hiện ở vùng nào của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ. B. TD & MN Bắc Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	C	A	D	D	B	D	A	C	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	B	A	D	C	B	C	C	B	B	C

Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	A	D	D	B	A	C	A	D	A	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	B	C	C	A	D	D	B	A	C	B